

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09-9-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.
2. Ông Bùi Tấn Dũng.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Thu T, sinh năm 1990. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp K, xã L, huyện T, tỉnh S. Chỗ ở hiện nay: Số 3, khu 1, tổ 1, khu phố A, phường H, thị xã BC, tỉnh BD. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn A, sinh năm 1988. Địa chỉ cư trú: khóm 1, thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

3. *Người làm chứng:* Ông Huỳnh Văn Á, sinh năm 1968, bà Võ Thị T, sinh năm 1964. Cùng địa chỉ cư trú: khóm 1, thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2021, trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đặng Thị Thu T, trình bày: Chị và anh A cưới nhau vào

đầu năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh S. Hôn nhân do quen biết trước được 01 năm, sau khi cưới chị và anh A cùng lên tỉnh Bình Dương làm thuê, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 01 năm. Đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chung sống không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân do anh A không lo làm ăn, chỉ lo ăn nhậu, cờ bạc như đánh số đề, cá độ bóng đá dẫn đến thiếu nợ nên kêu chị vay tiền Ngân hàng rồi sau đó chị phải trả nợ và đóng tiền lãi cho Ngân hàng, sổ bảo hiểm xã hội chị đóng hơn 10 năm cũng bị anh A đem đi cầm 51.000.000đ để trả nợ, sau đó chị phải đóng tiền lãi. Chị lãnh tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp hơn 100.000.000đ cũng dùng vào việc trả nợ cho anh A, khi vợ chồng mới cưới chị có mua cho anh A một chiếc xe honda thì anh A đem đi cầm với số tiền 18.000.000đ, không có tiền đóng lời thì xe đứt luôn, nghĩa là xe thuộc về chủ tiệm cầm đồ luôn, trước khi cưới chị anh A cũng có chiếc xe honda cũng đem cầm không có tiền chuộc nên xe cầm đứt luôn. Sau đó, chiếc xe honda của chị để đi làm, không có giấy tờ mà anh A cũng đem đi cầm, chị phải chuộc xe ra để đi làm, anh A còn đánh chị, khi anh A đánh chị, chị không có báo chính quyền địa phương. Có lần anh A kêu chị đi vay tiền thêm chị không đồng ý, vì trước đó đã vay 03 Ngân hàng hơn 100.000.000đ, anh A không chịu đóng lãi, một mình chị đóng lãi nên không có khả năng vay tiền nữa thì anh đóng cửa phòng trọ kê dao vào cổ và đòi cắt cổ chị. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác, chị và anh A không còn sống chung từ tháng 11 năm 2021 cho đến nay, vợ chồng có gặp nhau, anh A nhiều lần năn nỉ chị nhưng chị không đồng ý hàn gắn tình cảm với anh A, vì trước đó vợ chồng cũng sống ly thân, anh A năn nỉ, hứa sửa đổi chị cũng đã cho anh A cơ hội nhưng sau khi về chung sống cùng anh A thì anh A lại như trước, không chịu sửa đổi gì, anh A còn thường xuyên đe dọa sức khỏe, tính mạng của chị. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn A.

Bị đơn anh Huỳnh Văn A, trình bày: Anh và chị T cưới nhau vào ngày 28 tết năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh S, hôn nhân do quen biết trước khoảng 5-6 tháng. Sau khi cưới anh và chị T chung sống và làm việc tại tỉnh Bình Dương, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chung sống không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân anh thiếu nợ là do ăn chơi như uống rượu, cho bạn mượn tiền nhưng không trả, anh không có cờ bạc, khi vợ chồng cự cãi anh có đánh chị T nhưng không có kê dao vào cổ và đòi cắt cổ chị T, anh có nhờ chị T vay tiền tại Ngân hàng để trả nợ cho anh, cũng có kêu chị T trả nợ dùm, có lấy xe của chị T đem cầm để lấy tiền, sau đó chị T chuộc xe lại, anh không có lấy sổ bảo hiểm của chị T đi cầm cố, không có lấy tiền bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm xã hội của chị T để trả nợ. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Anh và chị T không còn sống chung từ tháng 6 năm 2021 cho đến nay, vợ chồng có gặp nhau nhưng không hàn gắn được tình cảm, anh nhiều lần năn nỉ nhưng chị T không chịu đoàn tụ cùng anh, khi chị T nộp

đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân thị xã BC anh cũng năn nỉ chị T nhiều lần để vợ chồng hàn tình cảm nhưng chị T vẫn kiên quyết ly hôn với anh. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý ly hôn, vì còn thương chị T. Nếu chị T thống nhất giao con chung Thu T cho anh nuôi dưỡng thì anh sẽ đồng ý ly hôn.

2. Về việc nuôi con:

Nguyên đơn chị Đặng Thị Thu T, trình bày: Chị và anh A chung sống có một con chung, là con gái tên Huỳnh Đặng Thu T, sinh ngày 22/02/2017. Hiện con chung đang sinh sống cùng anh A và ông bà nội, khi chị và anh A đi làm ở Bình Dương không có điều kiện chăm sóc nên gửi con chung cho cha mẹ chồng là ông Huỳnh Văn A và bà Võ Thị T chăm sóc dùm, hàng tháng chị đều gửi tiền về cho mẹ chồng, trung bình mỗi tháng từ 1.000.000đ đến 2.000.000đ, tiền đó là do một mình chị gửi về, không phải anh A và chị cùng gửi về cho con chung, cha mẹ chồng chăm sóc nuôi dưỡng con chung Thu T từ 06 tháng tuổi cho đến nay và cha mẹ chồng chăm sóc con chung Thu T tốt. Hiện chị đang làm công nhân của Công ty Kanbin, chuyên sản xuất mô tua, thu nhập mỗi tháng từ 10.000.000đ trở lên, trừ chi phí sinh hoạt cá nhân như ăn uống, xăng xe, nhà trọ còn dư khoảng 5.000.000đ, nếu tăng ca thì chị làm từ 7 giờ sáng đến 7 giờ tối. Anh A làm nghề tự do, lúc thì làm thợ hồ, ai thuê làm gì thì làm nấy, mẹ chồng không làm gì, ba chồng thì làm thợ mộc thu nhập cũng không ổn định, ba mẹ chồng chỉ chăm sóc một mình con chung Thu T, không có chăm sóc, nuôi dưỡng đứa cháu nào khác. Trong quá trình chị làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh A thì anh A tiếp tục vay tiền của người khác, chị không biết họ tên, địa chỉ người cho vay nhưng chủ nợ gởi tin nhắn lên mạng xã hội đòi tiền, cho rằng anh A là người lừa đảo và đăng hình cáo phó con gái Thu T, anh A còn thường xuyên gọi điện thoại mượn tiền chị. Từ nhỏ chị không sống chung với cha mẹ nhưng sống chung với cô ruột, nhưng chị xem cô ruột như là mẹ ruột, khi cô ruột qua đời chị có điện thoại xin ba mẹ chồng cho con chung Thu T về để tang nhưng cha mẹ chồng không đồng ý, mẹ chồng nói là con chung Thu T thường xuyên bệnh, yếu nên không cho đi xa, anh A nói cho con chung Thu T về để tang thì cô của chị có sống lại không. Tết năm 2021 chị đưa con chung về quê chơi cha mẹ chồng không cho còn nói là con chung Thu T không có ông bà ngoại chỉ có ông bà nội, khi chị làm đơn xin ly hôn với anh A thì cha mẹ chồng chặn cuộc gọi điện thoại của chị mỗi khi chị điện về hỏi thăm con chung Thu T, không cho chị nói chuyện với con chung. Chị và anh A đều sống ở Bình Dương nhưng khi chị làm đơn ly hôn, vì không muốn nuôi và trả nợ thay cho anh A nữa nên chị không sống chung nhà trọ với anh do đó anh A mới về quê sinh sống cùng con chung từ tháng 11 năm 2021 cho đến nay. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Huỳnh Đặng Thu T, sinh ngày 22/02/2017 và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn anh Huỳnh Văn A, trình bày: Anh và chị T chung sống có một con chung, là con gái tên Huỳnh Đặng Thu T, sinh ngày 22/02/2017. Hiện con chung

đang sinh sống cùng anh và ông bà nội, con chung ở với ông bà nội khi được 06 tháng tuổi, lý do con chung ở với ông bà nội là do anh và chị T đi làm ở tỉnh Bình Dương nên gửi cho ông bà nội, khi vợ chồng cùng chung sống thì hàng tháng vợ chồng anh đều gửi tiền về cho cha mẹ ruột anh từ 1.000.000đ đến 2.000.000đ để nuôi dưỡng con chung, khi vợ chồng không còn sống chung thì chị T cũng có gửi tiền về cho cha mẹ anh nhưng có tháng gửi tháng không, mỗi tháng chị T gửi khoảng 1.000.000đ, còn anh cũng gửi về cho cha mẹ anh từ 1.000.000đ. Chị T làm công nhân, lương mỗi tháng bao nhiêu anh không rõ, hiện tại anh làm thợ hồ, mỗi ngày được 350.000đ, ngày nào cũng làm. Anh ở chung với cha mẹ ruột và con chung Thu T thì mỗi tháng anh đưa cho cha mẹ anh khoảng 2.000.000đ để lo cho gia đình. Cha anh làm thợ mộc, thu nhập mỗi ngày 400.000đ, còn mẹ làm nội trợ và chăm sóc con chung Thu T, thỉnh thoảng mẹ anh cũng có đi làm thuê như rửa bao (xếp bao) một ngày khoảng hơn 100.000đ. Khi chị T làm đơn xin ly hôn với anh tại Tòa án thị xã BC thì anh có gọi điện thoại hỏi mượn tiền chị T 1.000.000đ nhưng chị T không cho, anh chỉ mượn thử do chị T không gửi tiền về cho cha mẹ anh nhưng tại phiên tòa anh A trình bày hỏi mượn tiền chị T, vì con chung Thu T nhập học nhưng lúc gọi điện thoại hỏi mượn tiền chị T thì anh không có nói lý do là lo chi phí học hành của con chung. Anh cũng có vay tiền người khác, vay mấy người chị, mỗi người vài triệu để xoay sở và trả nợ, vì lúc dịch bệnh không làm gì ra tiền, có mượn người làm chung ở Bình Dương 1.000.000đ nhưng không có tiền trả nên người đó có lấy hình con gái anh làm ảnh cáo phó rồi đăng lên mạng xã hội, hiện anh đã trả tiền cho người ta rồi và đã gỡ hình xuống. Ba mẹ anh không cho chị T rước con chung khi cô chồng chết và về quê chơi vào Tết năm 2021, vì sợ chị T bắt con chung Thu T đi. Anh không thống nhất giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Thu T và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Lý do anh không đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng là do chị T đi làm ở Bình Dương sống có một mình nên anh không an tâm giao con chung cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh về ở chung nhà với cha mẹ ruột và con chung Thu T từ đầu năm 2022 cho đến nay.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh A thống nhất trình bày, anh chị chung sống không có tài sản chung, không thiếu nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa và biên bản lấy lời khai ngày 13/01/2022 người làm chứng bà Võ Thị T, trình bày: Bà là mẹ ruột anh Huỳnh Văn A, mẹ chồng chị T. Vợ chồng anh A bà có nghe mâu thuẫn mấy năm nay, bà cũng có khuyên can chị T, anh A đừng ly hôn để cùng nuôi con chung. Cháu nội Huỳnh Đăng Thu T hiện tại đang sống chung với vợ chồng bà từ khi được 04 tháng tuổi cho đến nay, vì anh A, chị T đều đi làm ở Bình Dương nên gửi con chung Thu T cho bà nuôi dưỡng, chăm sóc. Trước khi chị T và anh A làm đơn ly hôn thì chị T, anh A có về thăm cháu T vào những dịp lễ tết. Chị T có gửi tiền về cho bà để nuôi dưỡng cháu T khoảng

2.000.000đ/tháng, anh A thì gửi tháng khoảng 1.500.000đ. Do mỗi lần cháu T theo mẹ về quê chơi thì khi trở về thường xuyên bị bệnh nên khi cô chồng chị T mất bà sợ đường xa, cháu T hay bị bệnh nên bà không cho chị T đem con đi, bà nuôi cháu T từ nhỏ đến nay, không thể giao cháu T cho chị T, chị T không có quyền gì bắt cháu T đi. Vì chị T không cha, không mẹ, cha mẹ chấp nôi, sống ở nhà trọ, gửi cháu T cho người khác nuôi bà không chấp nhận. Khi chị T gọi điện thoại về bà dẫn cho cháu T nghe điện, không có ngăn cấm hay dạy cháu T không được tốt với mẹ.

Tại phiên tòa và tại biên bản lấy lời khai ngày 13/01/2022 người làm chứng ông Huỳnh Văn A, trình bày: Ông là chồng bà T, có nghe lời trình bày của bà T, ông thống nhất với lời trình bày của bà T. Vợ chồng anh A cũng có xích mích, ông cũng khuyên bảo vợ chồng anh A hàn gắn tình cảm nhưng chị T không đồng ý. Ông làm thợ hồ, xây nhà tiền chế. Cháu T được vợ chồng ông chăm sóc, nuôi dưỡng từ lúc nhỏ cho đến nay. Ông không thống nhất giao cháu nội cho chị T nuôi dưỡng. Ngoài ra, không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nội dung vụ án: Về hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn với anh Huỳnh Văn A. Về nuôi con chung: Giao con Huỳnh Đăng Thu T, sinh ngày 22/02/2017 cho anh A tiếp tục nuôi dưỡng, vì cháu T đã sống ổn định cùng anh A, ông A và bà T từ khi 06 tháng tuổi cho đến nay đã được đảm bảo về mọi mặt, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh A không yêu cầu. Tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập đến.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Đặng Thị Thu T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện HN yêu cầu giải quyết ly hôn giữa chị và anh Huỳnh Văn A. Hiện anh A đang cư trú tại khóm 1, thị trấn Thường Thới T, huyện HN, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh ĐT theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị Thu T và anh Huỳnh Văn A được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 04/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Xét, yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị Thu T là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống chị T, anh A đã có mâu thuẫn với nhau là có thật. Tòa án đã tiến hành hòa giải cho chị T, anh A đoàn tụ nhưng chị T vẫn cương quyết ly hôn. Chị T cho rằng anh A không lo làm ăn, chỉ lo ăn nhậu, cờ bạc dẫn đến thiếu nợ và chị T phải vay tiền Ngân hàng để trả nợ thay cho anh A, nếu chị T không đồng ý giúp anh A vay tiền thì anh A đánh chị T, anh A còn lấy xe honda mà chị T dùng để đi làm đem đi cầm cố và chị T phải chuộc xe lại. Anh A không đồng ý ly hôn, vì còn thương chị T nhưng nếu chị T thống nhất giao con chung Thu T cho anh A nuôi dưỡng thì anh A thống nhất ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Anh A thừa nhận anh thiếu nợ do ăn chơi như uống rượu, cho người khác mượn tiền, không trả nên có nhờ chị T vay tiền để trả nợ cho anh A và có đem xe của chị T đi cầm cố rồi chị T phải chuộc xe lại. Đồng thời, rất nhiều lần anh A năn nỉ chị T để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng chị T vẫn cương quyết không đoàn tụ cùng anh A nên chị T và anh A không còn sống chung từ tháng 6 năm 2021 cho đến nay. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị T, anh A không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Đặng Thị Thu T được ly hôn với anh Huỳnh Văn A là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về việc nuôi con: Chị T, anh A đều yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Huỳnh Đặng Thu T, sinh ngày 22/02/2017. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị T, anh A đều đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung như điều kiện ăn, ở, sinh hoạt, học tập, dạy dỗ, giáo dục con, tình cảm dành cho con, việc làm, thu nhập hàng tháng. Tuy nhiên, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Thu T của chị T là chưa có căn cứ để chấp nhận, vì hoàn cảnh sinh sống của chị T như thời gian làm việc của chị T từ 7 giờ đến 19 giờ và ở nhà trọ một mình, không có người thân ở chung để phụ giúp, hỗ trợ chị T chăm sóc con chung Thu T mỗi khi chị T đi làm hoặc khi tăng ca thì so với con chung Thu T sống cùng anh A sẽ tốt hơn, vì con chung Thu T đã sinh sống ổn định cùng anh A, ông A và bà T từ khi được 06 tháng tuổi cho đến nay và đã được đảm bảo tốt về mọi mặt. Đồng thời, chị T cũng thừa nhận bà T, ông A chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Thu T tốt. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Thu T của chị T. Nghĩ nên, giao con chung Huỳnh Đặng Thu T, sinh ngày 22/02/2017 cho anh A được tiếp tục trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là đảm bảo tốt về quyền lợi mọi mặt và phát triển bình thường của con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đặng Thị Thu T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh A tự nguyện không yêu cầu là phù hợp với Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị T theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về chia tài sản chung: Chị T và anh A thống nhất trình bày, tài sản chung và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HN là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn Đặng Thị Thu T chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số AA/2021/0004404 ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã BC, tỉnh BD là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị Thu T. Cho chị Đặng Thị Thu T được ly hôn với anh Huỳnh Văn A.

2. Về việc nuôi con:

2.1 Không chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị Thu T, về việc yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Huỳnh Đặng Thu T, sinh ngày 22/02/2017.

2.2 Giao con chung Huỳnh Đặng Thu T, sinh ngày 22/02/2017 cho anh A được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.3 Chị Đặng Thị Thu T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh A tự nguyện không yêu cầu.

2.4 Sau khi ly hôn, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị T.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đặng Thị Thu T chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số số AA/2021/0004404 ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã BC, tỉnh BD.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09 tháng 9 năm 2022).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung